|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NINH THUẬN** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | | | |  |  |  |  |  | | | Số: /GPMT-UBND |  | *Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2022* | | |  |   **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**  *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*  *Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*  *Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*  *Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Nông Trang Lâm Sơn số 18/CV ngày 25 tháng 8 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;*  *Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4027/TTr-STNMT ngày 06 tháng 9 năm 2022.*  **QUYẾT ĐỊNH:**  **Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Nông Trang Lâm Sơn, địa chỉ tại lô B3-9-KQH Công viên Văn hóa Đô thị, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đượcthực hiện các hoạt động bảo vệ môi trườngcủa Dự án Trang trại Nông trang Lâm Sơn đặt tại xã Lương Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Dự án) với các nội dung như sau:  **1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:**  1.1. Tên dự án đầu tư: Trang trại Nông trang Lâm Sơn.  1.2. Địa điểm hoạt động: xã Lương Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.  1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801329701 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 21/12/2016, thay đổi lần thứ hai ngày 02/07/2021.  1.4. Mã số thuế: 5801329701.  1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo nái sinh sản.  1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Dự án diện tích sử dụng đất 140.443 m2, gồm 06 nhà heo nái đẻ (tổng diện tích 5.760 m2), 03 nhà heo mang thai hậu bị (tổng diện tích 4.983 m2), 01 nhà heo nọc (450 m2), 02 nhà heo cách ly (tổng diện tích 975 m2) và các công trình phụ trợ; công suất thiết kế 2.400 con heo nái sinh sản và 40 heo đực giống.  **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**  2.1. Nước thải sau xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT được tận dụng tưới cây, vệ sinh chuồng trại và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.  2.2.Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.  **Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:  1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.  2. Công ty TNHH Nông Trang Lâm Sơn có trách nhiệm:  2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.  2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, chất thải rắn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.  2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.  2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.  2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.  **Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 07 (bảy) năm (từ ngày tháng 9 năm 2022 đến ngày tháng 9 năm 2029).  **Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ninh Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.   |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:*** | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** | | - Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Chủ tịch và PCT UBND tỉnh Lê Huyền;  - Chủ dự án (3b);  - Các Sở: TNMT, NN&PTNT, XD;  - UBND huyện Ninh Sơn;  - UBND xã Lương Sơn;  - Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;  - VPUB: LĐ, KTTH;  - Lưu: VT. TT | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Lê Huyền** | |

**PHỤ LỤC 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND*

*ngày tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại trang trại. Nước thải này được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trang trại để xử lý.

- Nước thải từ quá trình chăn nuôi: Phát sinh từ hoạt động tắm heo, nước tiểu của heo, vệ sinh chuồng trại, thiết bị, … trong quá trình chăn nuôi heo.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi được đưa về 02 hồ chứa lót bạt HDPE chống thấm có dung tích 4.000 m3/hồ (kích thước 20 m x 40 m x 5 m)/hồ để tái sử dụng cho vệ sinh chuồng trại, tưới cây trong khuôn viên dự án, không xả thải ra bên ngoài phạm vi dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải: Vào 02 hồ chứa nước thải sau xử lý dung tích 4.000m3/hồ để tái sử dụng cho vệ sinh chuồng trại, tưới cây trong khuôn viên dự án. Tọa độ hồ số 01 là: X=1308402, Y= 555284; hồ số 2 là: X=1308421, Y= 555320 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108015′, múi chiếu 30) nằm trong khuôn viên dự án thuộc xã Lương Sơn, huyện Ninh Sơn.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 54 m3/ngày đêm; tương đương 2,25 m3/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT theo đường ống dẫn về 02 hồ chứa nước thải sau xử lý theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận (02 ao chứa nước sau xử lý) phải đạt giá trị cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chất ô nhiễm** | **Đơn vị tính** | **Giá trị giới hạn cho phép** |
| 1 | pH | - | 5,5-9 |
| 2 | BOD5 | mg/l | 100 |
| 3 | COD | mg/l | 300 |
| 4 | Tổng chất rắn lơ lửng | mg/l | 150 |
| 5 | Tổng Nitơ (theo N) | mg/l | 150 |
| 6 | Tổng Coliform | MPN hoặc CFU/100 ml | 5000 |

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên được thu gom về các bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC ∅ 114 tập trung về 03 hố ga có kích thước 1,0 m x 1,0 m x 1,4 m/hố và nhập vào mương thu gom nước thải chăn nuôi để về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi: Nước thải từ khu vực chuồng nuôi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng hệ thống mương kín (được đậy bằng nắp đan), thành mương xây bằng gạch có trát vữa, kích thước: rộng 0,4 m; cao 0,7 - 1,1 m tuỳ theo cao độ địa hình, tổng chiều dài của mương là 573 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải → Hố thu gom (dung tích 180 m3) → bể Biogas (dung tích 7.000 m3) → bể điều hòa (dung tích 56 m3) → bể keo tụ-tạo bông (dung tích 46 m3) → bể lắng hóa lý (dung tích 31 m3) → bể thiếu khí (dung tích 56 m3) → bể hiếu khí 1 (dung tích 232 m3) → bể lắng sinh học 1 (dung tích 31 m3) → bể hiếu khí 2 (dung tích 16 m3) → bể lắng sinh học 2 (dung tích 31 m3) → hồ sinh học (dung tích 600 m3) → bể khử trùng (dung tích 59 m3) → bồn lọc áp lực (dung tích 5m3) → hồ chứa nước sau xử lý 1 và 2 (dung tích 4.000 m3/hồ). Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sẽ đưa về 02 hồ chứa lót bạt HDPE dung tích 4.000 m3/hồ (kích thước 20 m x 40 m x 5 m/hồ) để tái sử dụng cho vệ sinh chuồng, tưới cây trong khuôn viên dự án.

- Công suất xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung: 200 m3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, Chlorine.

1.3. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Hồ chứa nước thải dự phòng trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải của Dự án gặp sự cố có dung tích 5.000 m3, kích thước 25 m x 40 m x 5 m được lót bạt HDPE dày 1,5 mm để chống thấm.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/04/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí xả thải nước thải sau xử lý vào hồ chứa nước thải số 1 có tọa độ X = 1308402; Y = 555284 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108015′, múi chiếu 30) nằm trong khuôn viên dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Tần suất lấy mẫu 15 ngày/lần.

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: Tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần trong 07 ngày liên tiếp.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào 02 hồ chứa nước sau xử lý để tái sử dụng cho tưới cây và vệ sinh chuồng. Tuyệt đối không xả thải nước thải ra bên ngoài khuôn viên dự án.

3.2. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung bảo đảm nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**PHỤ LỤC 2**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**

**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 40 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là chai lọ thuốc, vắc xin; bao bì thuốc thú y, thuốc thú y hết hạn; ống kim tiêm, bóng đèn huỳnh quang hỏng, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu nhớt.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

1.2.1. Phân heo: Khối lượng phân heo phát sinh từ các chuồng nuôi khoảng 3,3 tấn/ngày.

1.2.2. Xác heo chết (không phải do dịch bệnh) và nhau thai heo sau sinh: Khối lượng heo chết (không phải do dịch bệnh) và nhau heo sau sinh trung bình khoảng 1.836 kg/lứa tương đương khoảng 15 kg/ngày.

1.2.3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Khối lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 17,4 kg/ngày.

1.2.4. Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi: Khối lượng bao bì đựng thức ăn chăn nuôi phát sinh khoảng 50 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 24 kg/ngày.Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, kim loại, thủy tinh, giấy và các loại khác.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy riêng từng loại và tập trung lưu trữ tại kho chứa có diện tích 35 m2, kích thước 7 m x 5 m, được xây bằng tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Nhà đặt máy ép phân: Diện tích 105 m2, kích thước 15 m x 7 m có tường gạch, nền xi măng, mái lợp tôn.

- Nhà chứa phân sau ép và bao bì đựng thức ăn chăn nuôi: Diện tích 105 m2, kích thước 15 m x 7 m có tường gạch, nền xi măng, mái lợp tôn được sử dụng để lưu chứa phân heo sau tách nước và bao bì đựng thức ăn chăn nuôi.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt được công nhân thu gom vào 02 thùng rác dung tích 200 lít/ thùng bố trí tại bếp ăn và nhà ở công nhân. Trang trại sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

**3. Hoạt động tự xử lý chất thải:**

Hệ thống, công trình, thiết bị xử lý chất thải rắn công nghiệp rắn thông thường.

3.1. Đối với xác heo chết (không phải do dịch bệnh) và nhau thai heo sau sinh:

- Khối lượng heo chết (không phải do dịch bệnh) và nhau thai heo sau sinh phải xử lý: Trung bình khoảng 1.836 kg/lứa tương đương khoảng 15 kg/ngày.

- Quy trình công nghệ xử lý: Heo chết và nhau thai được xử lý bằng lò đốt 02 cấp, cụ thể:

Nhau thai heo, heo chết được cho vào bao buộc chặt miệng và vận chuyển bằng xe rùa đến lò đốt để đốt.

Nguyên lý hoạt động của lò đốt: Xác heo chết, nhau thai heo được đưa vào buông đốt sơ cấp (có nhiệt độ 500 - 600 oC) để đốt thành tro, khí và mùi. Tro được thu gom về đáy lò, khí và mùi tiếp tục được đưa qua buồng đốt thứ cấp (nhiệt độ từ 1.000 - 1.200 oC) để được đốt cháy hoàn toàn và thoát qua ống khói cao 06 m. Nguyên liệu cho lò đốt là khí ga được thu hồi từ hầm biogas của dự án.

- Công suất thiết kế của lò đốt: 100 kg/giờ.

3.2. Đối với phân heo:

- Khối lượng phát sinh: 3,3 tấn/ngày.

- Quy trình công nghệ xử lý: Sử dụng công nghệ ép phân.

Máy được thiết kế dựa trên nguyên lý trục vít tải xoắn (bước vít ngắn dần) vận hành liên tục. Khi hỗn hợp bùn (phân và nước) được máy bơm cấp vào buồng ép, trục vít bên trong buồng ép vừa làm nhiệm vụ vận chuyển vừa xoay và ép tách nước khỏi hỗn hợp bùn và bùn sau khi tách nước được đẩy ra khỏi máy ép, còn nước theo các khe ép chảy vào ống thu nước và được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý.

- Công suất máy ép: 15 tấn/ngày.

3.3. Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Công ty thuê đơn vị có chức năng thu gom bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý theo quy định.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hàng quý báo cáo số lượng heo chết (không phải do dịch bệnh) cho UBND xã Lương Sơn, UBND huyện Ninh Sơn, Chi cục Chăn nuôi và Thú y và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận.

3. Trường hợp xảy ra dịch bệnh, thực hiện việc tiêu hủy heo đúng quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01 – 41: 2011/BNNPTNT - Yêu cầu về vệ sinh khi tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành./.